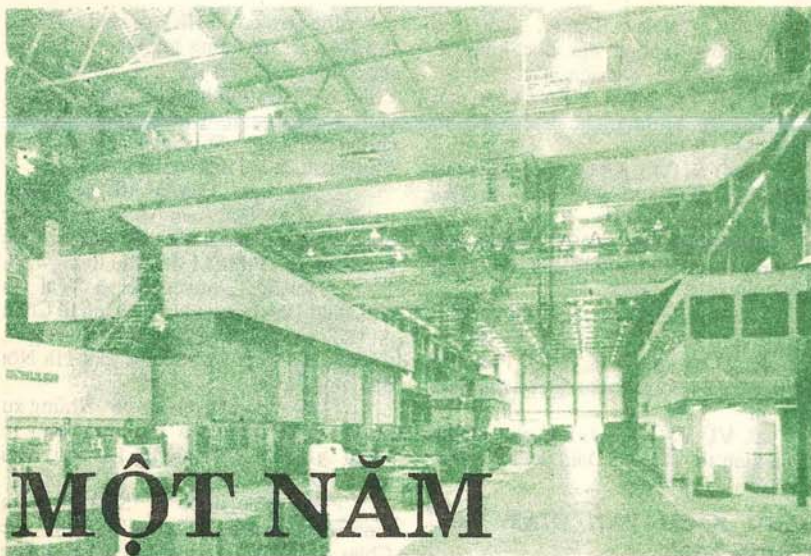




MỘT NĂM CÙNG PHÁT TRIỂN

BILL MELLOR

Khi những ngọn pháo bông bùng lên vào ngày 23 tháng Một báo hiệu bước sang năm con Gà, thì các nhà bối toán tiên tri đều chiêm nghiệm trước về vận hội châu Á. Dù dựa vào tính toán thiên văn hay dữ liệu thực tế, họ đều chung một kết luận: nền kinh tế châu Á, đã đạt kỷ lục trong năm con Khỉ, sẽ tiếp tục thăng lợi trong năm con Gà. Nhưng còn hai trở ngại, đó là sự bất ổn xã hội trong khu vực và chính sách bảo hộ mậu dịch.

Mấy thập niên trước, các nhà quan sát trong cũng như ngoài châu Á đều cho rằng Kỷ nguyên của Bắc Đại Tây Dương sẽ nhường chỗ cho Kỷ nguyên Thái Bình Dương vào đầu thế kỷ XXI. Nhưng kỷ nguyên này đã tới sớm 7 năm. Ngày nay, mậu dịch Thái Bình Dương đã vượt hơn mậu dịch Đại Tây Dương, và dù còn căng thẳng chính trị ở vài nơi, đến đầu thế kỷ tới, châu Á sẽ chiếm cỡ một nửa mậu dịch toàn cầu.

Các nước Rìa Thái Bình Dương (TPBD) vẫn là những khách hàng lớn của châu Á: hiện nay 65% mậu dịch châu Á - TPBD là buôn bán trong vùng, vượt hơn con số 62% của khối EC. Điều này đạt được mà không cần tới những biện pháp phân biệt đối xử của EC, và xảy ra trong thời điểm cả Mỹ, châu Âu và Nhật còn kẹt hoặc mới thoát được giai đoạn kinh tế đình trệ. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo mức tăng trưởng kinh tế thế giới năm 1993 sẽ khoảng 3,1 đến 2,3%, còn Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) lại dự đoán con số gấp ba, 7,3%, cho 25 nước đang phát triển ở châu Á, mặc dù sẽ có một số nước trong vùng sẽ không đạt cao được như năm 1992.

Trung Quốc (TQ) đạt 12% năm 1992, năm nay chỉ nêu chỉ tiêu 9%, Malaysia có thể tăng ít nhất 8%, ngay cả

Với bình minh của Kỷ nguyên Thái Bình Dương đã lộ dạng trước dự tính, vùng Đông Á sẽ tiếp tục dẫn đầu thế giới trên đường tiến về thịnh vượng.

HẢI QUÂN lớn nhất châu Á

Theo thứ tự là Trung Quốc với 260.000 quân, 18 khu trục hạm, 37 tàu khu trục nhỏ, 93 tàu ngầm (trong đó có 5 tàu ngầm hạt nhân, 1 tàu ngầm có trang bị tên lửa), 58 tàu đổ bộ. Ấn Độ có 52.000 quân, hai hàng không mẫu hạm có trang bị phản lực cơ lên thẳng Harrier, 20 tàu khu trục nhỏ, 10 tàu đổ bộ, và 19 tàu ngầm. Nhật Bản có 46.000 quân, 6 khu trục hạm, 58 tàu khu trục nhỏ, 14 tàu ngầm và 6 tàu đổ bộ. Nam Triều Tiên có 60.000 quân với 9 khu trục hạm, 3 tàu ngầm, 25 tàu khu trục nhỏ, 15 tàu đổ bộ - hơn hẳn Bắc Triều Tiên với 41.000 quân, 3 tàu khu trục nhỏ và 24 tàu ngầm. Những nước khác - Thái Lan có 50.000 quân, Indonesia: 43.000. Việt Nam: 40.000. Đài Loan: 30.000. Philippines: 25.000. Pakistan: 20.000. Úc: 15.650. Malaysia: 12.500. Bangladesh: 7.500. Singapore: 4.500.

TNX

(Theo Asiaweek 3.7.1992)

VN dù gặp nhiều khó khăn cũng dự định mức tăng 7%, Đài Loan, Nam Triều Tiên, Hồng Kông, Singapore, Thái Lan và Indonesia cũng định đưa GNP lên khoảng 5 tới 7%. Nền không ngạc nhiên gì khi Ngoại trưởng Úc Gareth Evans cho rằng: "Lần đầu tiên suốt 500 năm nay, trung tâm trọng lực kinh tế thế giới dần chuyển sang Đông Á". Tuy tình hình sáng sủa như thế giữa một thế giới còn u ám, các nhà lãnh đạo của châu Á vẫn còn những lo âu cho sự phát triển tiếp tục của mình như:

- Tổng thống Clinton có vẻ có xu hướng cô lập hơn là tự do mậu dịch, khác hẳn ông Bush.

- Nhật Bản và bốn con Rồng nhỏ đang lo ngại có thể bị gạt ra khỏi 2 khối EC, và tương lai có thể thêm NAFTA, mặc dù cả hai khối đều nói là tôn trọng các qui định của GATT.

- TQ đang e ngại lạm phát sẽ kèm hãm phát triển. Nếu xảy ra điều này, ảnh hưởng sẽ lan tới Hồng Kông, Đài Loan và Nam Triều Tiên. TQ cũng e ngại Clinton sẽ gay gắt về vấn đề mậu dịch và nhân quyền, cụ thể là cơ chế tối huệ quốc dành cho TQ.

- Tình trạng hiện nay của ba nền kinh tế dẫn đầu thế giới là Mỹ, Nhật và Đức vẫn chưa sáng sủa, nên mặc dù châu Á đã tự tin hơn trong những năm qua, nhưng nhìn kỹ, GDP của cả bốn con Rồng châu Á chỉ bằng 18% của Nhật, tổng sản lượng công nghiệp của TQ là 175 tỉ USD một năm thì chẳng là gì so với 1,2 ngàn tỉ của Nhật, GDP của 6 nước khối Asean (330 triệu dân) cộng lại cũng chỉ nhỉnh hơn một chút so với Úc (17 triệu dân). Do vậy họ hiểu mậu dịch trong vùng không đủ đảm bảo tốc độ tăng trưởng, mà phải dựa vào xuất khẩu ra ngoài khu vực.

Như thế, có rất nhiều điều còn phải tùy thuộc vào những quyết định ở Washington và Tokyo. Mặc dù chủ trương bảo hộ của Nhật và EC có tạo bất lợi cho Mỹ, nhất là về việc xuất khẩu nông sản, thì ông Bush và nhóm cố vấn cũng tin rằng Mỹ không nên trả đũa quá mạnh vì e rằng sẽ gây chiến tranh mậu dịch. Bush vẫn tin rằng mặc dù đã có xu hướng giải kết (disengagement) ở mọi nơi, nhưng Mỹ vẫn phải bảo đảm an ninh quân sự tại châu Á và châu Âu.

Ông Clinton thì không nhất thiết chia xẻ quan điểm đó, mặc dù ông đã đề đặt tán đồng các văn đề NAFTA, GATT và các chuyện mậu dịch khác. Ông và nhóm cố vấn không thừa nhận nỗi lo sợ trong bộ tham mưu của Bush rằng một lập trường mậu dịch cứng rắn sẽ gây chiến tranh mậu dịch trên toàn thế giới, và thậm chí khủng hoảng kinh tế nữa. Suốt thời kỳ vận động tranh cử và chuyển tiếp sau đó, Clinton vẫn tập trung vào những vấn đề kinh tế quốc nội và chăm dứt chuyện hy sinh quyền lợi kinh tế Mỹ cho những quan tâm thuộc về an ninh quốc gia. Ông đã lập đi lập lại: "Ưu tiên

hàng đầu của tôi trong chính sách đối ngoại là phục hồi sinh lực cho nền kinh tế Mỹ".

Đặc biệt thái độ của Clinton đối với vấn đề mậu dịch và nhân quyền ở TQ đã khác hẳn Bush. Mặc dù TQ có những chính sách bảo hộ mậu dịch và xu hướng hạn chế dân chủ, Bush vẫn muốn liên hệ chặt với chính quyền đã quá già của Bắc Kinh, vì Bush thấy mối bang giao Mỹ-TQ là điều cốt tủy trong việc duy trì cân bằng quyền lực. Còn Clinton đã quyết định chia sẻ sự nghiệp của ông và cả nước Mỹ với "thế hệ lãnh đạo tương lai cấp tiến hơn" ở Bắc Kinh. Lúc tranh cử ông đã nói sẽ xem lại qui chế tối huệ quốc của TQ theo chiều hướng họ phải cải thiện quan hệ với dân chúng, tuy rằng ông đã hòa dịu hơn một chút về vấn đề này sau khi thắng cử.

Clinton cũng ủng hộ tự do mậu dịch, nhưng ông hiểu chuyện này sẽ tác động ra sao tới việc thực hiện những ý đồ quan trọng hơn mà ông muốn làm trong nước, như đầu tư cho cơ sở hạ tầng, huấn luyện, giảm thâm thủng ngân sách, nâng cao hệ thống y tế...

Các nhà phân tích quanh vùng Rìa TBD thừa nhận rằng nếu Clinton có thể chấn chỉnh nền kinh tế Mỹ, thì các nước trong vùng cũng được hưởng lợi - miễn là Clinton dùng dụng lên các hàng rào bảo hộ quanh NAFTA. Nhiệm vụ quan trọng nhất của chính phủ Mỹ tân lập là chấn chỉnh chính sách mậu dịch. Những biến đổi trong nội tình kinh tế châu Á-TBD phải khiến nó thành trung tâm sự chú ý trong chính sách của Mỹ. Một số phát biểu của Bush về NAFTA đã khiến Nhật và nhiều nước châu Á khác e rằng khối này sẽ đi tới một loạt dân xếp mậu dịch với châu Á theo kiểu Mỹ sẽ là trục, còn các nước khác là nhánh. Trừ phi những dân xếp kiểu này là một phần trong nền mậu dịch tự do ở TBD, nếu không nó sẽ đẩy châu Á và Tây TBD thành một khối kinh tế ưu đãi nội bộ và phương hại tới quyền lợi của Mỹ.

Nhật Bản gần đây đã ý thức được rằng NAFTA và EC có thể trở thành khối mậu dịch khép kín nếu vòng đàm phán Uruguay thất bại hoặc Mỹ và EC thấy bực mình hơn nữa với tình trạng thăng dư mậu dịch của Nhật. Trước đây, Nhật không hề coi châu Á như một thị trường ngắn hạn trung hạn, mục tiêu của họ trước nhất là Mỹ, rồi tới châu Âu. Ngày nay đã khác, đến độ Nhật đang cố vấn với Mỹ và EC rằng phải tôn trọng GATT và không nên có những biện pháp đóng cửa. Nhật đã dùng diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á-TBD (APEC) với sự tham dự của các nước châu Á, Mỹ, Úc và Canada để thúc thúc Mỹ cho NAFTA mở cửa. Tức là giữ chủ nghĩa toàn cầu trong mậu dịch.

Nhật và Mỹ cũng quan tâm và ủng hộ sự thành lập khối AFTA. Khối này dựa trên thỏa ước của các nước Asean về việc giảm thuế quan 5% cho nhiều

mặt hàng buôn bán trong khối trong vòng 10 năm tới. Hiện nay nó chỉ được xem như một phản ứng bảo hộ đối với NAFTA và EC, nhưng tầm quan trọng của nó sẽ tăng mạnh nếu vòng đàm phán của GATT thất bại.

Tuy Tokyo không tỏ ra quan tâm tới việc lập một khối mậu dịch Á châu nhưng nó cũng xem AFTA, nếu không có tính khép cửa, sẽ là một thị trường 320 triệu dân cho kỹ nghệ Nhật. Tokyo hình như có ý định đề xuất hoặc tổ chức những cuộc hội đàm trong nội bộ châu Á về việc đẩy mạnh mậu dịch và an ninh trong khu vực, một việc đã khởi đầu một cách chật vật. Có ý kiến từ phương Tây cho rằng Nhật đang cảm thấy cần tiến tới hội thảo với các láng giềng ít nhiều điểm về vấn đề mậu dịch, để duy trì quyền lợi hoặc để có được giải pháp thay thế dự trữ sẵn. Vẫn



đề này còn phức tạp vì ký ức của các nước châu Á về Nhật trong thế chiến 2 còn đậm nét và họ cũng tin rằng cần sự có mặt của Mỹ trong vùng để làm đối cực với Nhật. Sự phát triển mậu dịch trong vùng là kết quả của việc các nước giàu tăng cường đầu tư vào các nước nghèo trong vùng. Nhật đã khởi đầu việc này từ 1985, theo sau là các cơn rồng châu Á. Sự phát triển này đưa tới tình trạng thiếu nhân lực và không còn được hưởng thuế quan giảm nhẹ khi tiếp cận vào thị trường Mỹ. Xu hướng này hiện đang lặp lại ở những nước nghèo hơn như Indonesia, nơi giới Hoa kiều được bật đèn xanh trong việc đầu tư vào TQ, đặc biệt là khi việc này làm tăng lượng xuất khẩu của Indonesia.

Các nước trong vùng cũng dễ nhận được nguồn đầu tư, từ Nhật hoặc từ những ngân hàng quốc tế cỡ lớn. Nhiều nước như Singapore, Đài Loan, TQ và Hồng Kông đã có được nguồn dự trữ ngoại tệ khá lớn.

Một phương cách để duy trì sức cầu nội địa là mở rộng và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng. Phi cảng, hệ thống chuyển chở

công cộng, xa lộ, nhà máy điện, bến cảng... đang được nỗ lực đầu tư và xây dựng ở mọi nước trong vùng. Một nguyên nhân phát triển nội tại nữa của châu Á là sức mua của một tầng lớp trung lưu đang ngày một tăng. Indonesia, một nước 180 triệu dân được coi như nghèo trong vùng, hiện cũng có tầng lớp trung lưu chừng vài triệu. Giới bán lẻ Hồng Kông đang vỡ bờ khi nhào vào buôn bán ở Quảng Đông, nơi có mức tăng trưởng là 20% một năm. Các cửa hàng bách hóa của Nhật đang được mở khắp các thành thị miền Nam TQ.

Sự phát triển cơ sở hạ tầng và sức mua tăng cũng là cơ hội lớn cho nhiều nhà xuất cảng Nhật và phương Tây. Hãng Caterpillar từ 1989 đã bán chừng 1 tỉ USD/năm những mặt hàng trang thiết bị nặng cho khu vực này. Campbell Soup mới dò dẫm ở châu Á từ 1986, năm ngoài

đã quyết định nhảy vào TQ, họ hy vọng xuất được 100 triệu hộp súp mỗi năm cho châu Á, mà những mặt hàng xuất sang đây họ đã từng làm để bán tại các Chinatown ở Mỹ.

Khi TQ có dư tiền để tiêu - quỹ dự trữ ngoại tệ lên tới 45 tỉ - thì cũng như đầu tàu lồi theo các nước lân cận. Ngay như Nam Triều Tiên, mới thiết lập quan hệ ngoại giao với TQ gần đây cũng đã thấy mậu dịch song phương của mình tăng được 40%. Tuy nhiên, TQ vẫn còn thiếu những công cụ kinh tế vĩ mô để kiểm soát được mức tăng trưởng. Họ hiểu rõ nạn lạm phát có thể trở lại và đó không chỉ là một vấn đề kinh tế mà còn là vấn đề chính trị nữa.

Vẫn còn nhiều tranh luận tiếp tục về mối tương quan giữa phát triển kinh tế và cải cách chính trị ở châu Á, mà một số nhà phân tích ví von nó như vấn đề của quả trứng và con gà. Trong năm Gà này, thế giới sẽ chờ xem kỹ nguyên Thái Bình Dương có được thái bình song song với thịnh vượng về kinh tế hay không. ♣

PHẠM HUYNH dịch
(Theo Time. 22.3.1993)

PHÁT TRIỂN KINH TẾ 11